

Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Đông Á

Phạm Nguyễn Thu Hà^a, Nguyễn Trần Bảo Trân^b, Nguyễn Minh Thảo Hiền^c, Trần Thị Vân^d, Lại Thị Hà^e, Nguyễn Thị Hải^{f*}

Tóm tắt:

Năng lực thực tập của sinh viên điều dưỡng là vấn đề cần được chú trọng. Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá năng lực thực tập của sinh viên điều dưỡng cũng như xác định các yếu tố liên qua. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành từ tháng 1.2024 đến tháng 3.2024 trên 168 sinh viên điều dưỡng năm 3 và 4 Trường Đại học Đông Á. **Kết quả:** Năng lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên Điều dưỡng là $3,64 \pm 0,46$. Các yếu tố gồm: giới tính, sinh viên năm mấy, học lực, và hút thuốc lá là các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên điều dưỡng ($p < 0,05$). **Kết luận:** Kết quả nghiên cứu cho thấy lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên Điều dưỡng ở mức trung bình. Cần có nhiều biện pháp nhằm cải thiện, nâng cao năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên hơn nữa để có thể đáp ứng năng lực theo chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam.

Từ khóa: *năng lực, thực tập lâm sàng, năng lực thực tập lâm sàng, sinh viên điều dưỡng, Trường Đại học Đông Á*

^a Khoa Y, Trường Đại học Đông Á, 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: han93400@donga.edu.vn

^b Khoa Y, Trường Đại học Đông Á, 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: tran93042@donga.edu.vn

^c Khoa Y, Trường Đại học Đông Á, 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: hien92901@donga.edu.vn

^d Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, email: tranthivan2693@gmail.com

^e Khoa Y, Trường Đại học Đông Á, 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: halt.ky@donga.edu.vn

^f Khoa Y, Trường Đại học Đông Á, 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: haint@donga.edu.vn

* Tác giả chịu trách nhiệm chính.

Clinical Practice Competence and Associated Factors among Nursing Students at Dong A University.

Pham Nguyen Thu Han^a, Nguyen Tran Bao Tran^b, Nguyen Minh Thao Hien^c, Tran Thi Van^d, Lai Thi Ha^e, Nguyen Thi Hai^{f*}

Abstract:

The Clinical Practice Competence of nursing students is an issue that needs attention. This study was conducted to evaluate the Clinical Practice Competence of nursing students and identify related factors. **Subjects and methods:** A Cross-sectional study conducted from January 2024 to March 2024 on 168 nursing students which 3rd and 4th year at Dong A University. **Results:** The Clinical Practice Competence of Nursing students is 3.64 ± 0.46 . Factors related to Clinical Practice Competence include: gender, year of student, academic performance, and smoking ($p < 0.05$). **Conclusion:** The results show that the Clinical Practice Competence of Nursing students is at an average level. Many measures are needed to further improve and enhance students' Clinical Practice Competence to meet Nursing Competency Standards in Vietnam.

Keywords: *competence, clinical practice, clinical practice competence, nursing students, Dong A University*

Received: 12.8.2024; Accepted: 15.9.2024; Published: 30.9.2024

DOI: 10.59907/daujs.3.3.2024.345

^a Faculty of Medicine, Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: han93400@donga.edu.vn

^b Faculty of Medicine, Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: tran93042@donga.edu.vn

^c Faculty of Medicine, Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: hien92901@donga.edu.vn

^d The University Of DaNang - School of Medicine and Pharmacy, Hoa Quy Ward, Ngu Hanh Son District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: tranthivan2693@gmail.com

^e Faculty of Medicine, Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: halt.ky@donga.edu.vn

^f Faculty of Medicine, Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Vietnam. e-mail: haint@donga.edu.vn

* *Corresponding author.*

Đặt vấn đề

Điều dưỡng là một nghề lâu đời, gắn liền với lịch sử phát triển của ngành Y tế, người điều dưỡng trong xã hội hiện đại được xem là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực y học (WHO, 2022)

Trên thực tế, với những thay đổi trong hệ thống y tế trên thế giới, khu vực và trong nước, nên vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng ngày một được xác định rõ ràng và cụ thể hơn. Ngày 28 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định số 3474/QĐ-BYT của Bộ Y tế bộ “Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân Điều dưỡng Việt Nam” đã được ban hành với 5 lĩnh vực, 19 tiêu chuẩn và 73 tiêu chí. Trong đó, nội dung về lĩnh vực thực tập chăm sóc chuyên nghiệp là nội dung được chú trọng nhất, nó chiếm tới 9 tiêu chuẩn và 37 tiêu chí (Bộ Y tế, 2022). Để đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Y tế đưa ra, ngay từ khi sinh viên đặc biệt sinh viên những năm cuối cần phải được chú trọng về năng lực thực tập

Một số nghiên cứu trước đã đề cập đến năng lực thực tập của sinh viên, như: nghiên cứu của Trần Thị Hằng ở sinh viên điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Huế, cho thấy điểm năng lực lâm sàng của sinh viên điều dưỡng là mức trung bình với $3,47 \pm 0,34/5$ (Tran Thi Hang et al., 2022); hay $2,03 \pm 0,54/5$ trong nghiên cứu của Amsalu trên sinh viên điều dưỡng Ethiopia (Amsalu et al., 2020).

Các yếu tố được xem là liên quan đến năng lực thực tập bao gồm: các yếu tố liên quan tới năng lực thực tập chăm sóc là: *năm học tập* (Hân et al., 2023); *khối lớp, giảng viên và môi trường thực tập lâm sàng*; *xếp loại học lực* (Liên et al., 2023); *môi trường học tập lâm sàng thuận lợi, tương tác giữa nhân viên và sinh viên tốt* (Terefe et al., 2023); *tuổi, chương trình học* (Albagawi et al., 2019).

Sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 là những người đã và đang tiếp xúc với môi trường thực tập lâm sàng, là nguồn lực sắp được bổ sung cho đội ngũ điều dưỡng trong tương lai. Nâng cao năng lực thực tập của sinh viên điều dưỡng đóng vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng nguồn điều dưỡng viên tương lai - những người được xem đóng vai trò hết sức quan trọng cho chất lượng chăm sóc y tế. Việc xác định rõ năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và xác định các yếu tố liên quan là điều quan trọng để tìm giải pháp giúp các sinh viên điều dưỡng có thể chủ động cải thiện năng lực bản thân, chuẩn bị cho hành trang nghề nghiệp về sau. Trường Đại học Đông Á là một trong những trường đào tạo nhân lực điều dưỡng có quy mô ở Đà Nẵng.

Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với hai mục tiêu:

1. Đánh giá năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Đông Á năm 2023.
2. Xác định các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Đông Á năm 2023.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng

Sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 đang học tại Trường Đại học Đông Á.

Tiêu chí lựa chọn: Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chí loại trừ: Sinh viên vắng mặt vào thời điểm nghiên cứu; sinh viên năm 2 (Đây là đối tượng đã đi lâm sàng, tuy nhiên thời gian và nhiều năng lực chúng tôi khảo sát không phù hợp với sinh viên năm 2)

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Địa điểm nghiên cứu: Khoa Y, Trường Đại học Đông Á.

Thời gian thu thập số liệu: từ tháng 1.2024 đến tháng 3.2024.

Cỡ mẫu của nghiên cứu:

Áp dụng công thức sau

$$n = Z^2 \left(1 - \frac{\alpha}{2}\right) \frac{pq}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu nghiên cứu

Z: Độ tin cậy 95%, với $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$

d: Sai số cho phép ($d = 0,05$)

$q = 1-p$

$p = 0,427$ (tỉ lệ sinh viên có năng lực thực tập chăm sóc đáp ứng tốt theo Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam với 42,7% (Hân et al., 2023).

Theo công thức trên, chúng tôi có cỡ mẫu là 376 sinh viên.

Nhưng đối tượng nghiên cứu có tổng là 256 sinh viên ít hơn 10.000 tính toán. Vì vậy chúng tôi đã sử dụng công thức hiệu chỉnh để tính cỡ mẫu (Bolarinwa, 2020):

$$n_f = \frac{n_i}{\left(1 + \frac{n_i}{N}\right)} = \frac{376}{\left(1 + \frac{376}{256}\right)} = 152$$

Thêm 10% cỡ mẫu dự phòng, như vậy có mẫu tối thiểu cần lấy là:

$n_f = 152 + 152 * 10\% = 168$ sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu: Kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên.

Công cụ thu thập số liệu: Là bộ câu hỏi đã được sự đồng ý của tác giả Shwu-Ru Liou, Ching-Yu Cheng về năng lực lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng (Liou & Cheng, 2013). Bộ câu hỏi gồm 46 câu được đánh số từ 1-47. Bộ câu hỏi được dịch tuân thủ quy định dịch bao gồm hai chuyên gia (Tsang et al., 2017) và kiểm tra độ tin cậy thông qua khảo sát thử trên 30 sinh viên điều dưỡng (Bonett & Wright, 2014).

Bộ câu hỏi gồm bốn phần năng lực: *hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp* (16 câu), *năng lực tổng quát* (12 câu), *kỹ năng điều dưỡng cơ bản* (12 câu) và *kỹ năng điều dưỡng nâng cao* (6 câu). Mỗi câu hỏi được trả lời theo mức độ từ 1 đến 5, tương ứng với: *Không biết gì - Biết lý thuyết nhưng không tự tin thực tập - Biết lý thuyết và có thể thực tập, cần người giám sát - Biết lý thuyết và có thể thực tập độc lập nhưng khi cần phải liên hệ người giám sát - Biết lý thuyết, thực tập thành thạo mà không cần giám sát.*

Phương pháp thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi “Đánh giá năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Đông Á” và tiến hành phát phiếu cho đối tượng tự điền.

Phương pháp xử lý số liệu:

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.

Sử dụng tần số và tỷ lệ (%) để mô tả cho các biến số định tính; giá trị nhỏ nhất (min), lớn nhất (max), giá trị trung bình (mean) và độ lệch chuẩn (SD) để mô tả cho các biến số định lượng.

Sử dụng các phép thống kê y học Ksuskal-Walis, Mann-Whitney U test và Spearman’s được dùng để xác định các mối liên quan sau khi đã kiểm tra phân phối chuẩn của các biến. Nhận định kết quả có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện sau khi được Hội đồng khoa học của Trường Đại học Đông Á thông qua.

Đối tượng nghiên cứu tự nguyện tham gia sau khi đã được giới thiệu rõ ràng về mục đích, nội dung và ý nghĩa của nghiên cứu và có quyền ngừng tham gia bất cứ lúc nào.

Quá trình nghiên cứu sẽ không làm ảnh hưởng đến quá trình thực tập của đối tượng nghiên cứu.

Những câu trả lời và thông tin do đối tượng nghiên cứu cung cấp sẽ được giữ bí mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu này sẽ chỉ được báo cáo dưới dạng tổng hợp, không thể hiện thông tin cá nhân.

Kết quả và thảo luận

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	9	5,4
	Nữ	159	94,6
Năm đào tạo	Năm 3	102	60,7
	Năm 4	66	39,3
Học lực	Trung bình	0	0
	Khá	125	74,4
	Giỏi	40	23,8
	Xuất sắc	3	1,8
Ban cán sự lớp	Có	36	21,4
	Không	132	78,6
Mức độ tham gia các hoạt động ngoại khóa	Không tham gia	3	1,8
	Ít tham gia	83	49,4
	Thường xuyên tham gia	82	48,8
Đi làm thêm	Không	94	56
	Có	74	44
Thời gian ngủ/ ngày	Mean (SD): 7,33 (1,51) ; Min: 2; Max: 12		
Hút thuốc lá	Có	3	1,8
	Không	165	98,2
Uống bia rượu	Có	26	15,5
	Không	142	84,5

Nhận xét: Đa số sinh viên là nữ chiếm: chiếm 94,6%. Trong tổng số 168 sinh viên: năm 3 chiếm 60,7% và năm 4 chiếm 39,3%. Phần lớn sinh viên có kết quả học tập loại khá có đến 74,4% sinh viên. Chỉ có 21,4% sinh viên là ban cán sự lớp. Đa số sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, chỉ có một số ít sinh viên không tham gia chiếm 1,8%; Có 56% sinh viên đi làm thêm. Thời gian ngủ trung bình là $7,33 \pm 1,52$. Sinh viên không hút thuốc lá chiếm đến 98,2% trong khi tỷ lệ sinh viên uống rượu bia chiếm 15,5%

*Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng***Bảng 2. Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng**

Nội dung	Min	Max	Mean	SD
Hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp	2,56	4,44	3,78	0,53
Năng lực tổng quát	2,42	4,42	3,7	0,50
Kỹ năng điều dưỡng cơ bản	2,58	4,42	3,82	0,50
Kỹ năng điều dưỡng nâng cao	2,33	3,83	3,25	0,46
Năng lực thực tập lâm sàng chung	2,49	4,28	3,64	0,46

Nhận xét: Bảng 2 chỉ ra năng lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên Điều dưỡng là $3,64 \pm 0,46$. trong đó điểm cao nhất thuộc về năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản với $3,82 \pm 0,5$ và thấp nhất ở năng lực kỹ năng điều dưỡng nâng cao $3,25 \pm 0,46$.

*Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm chung và năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng***Bảng 3. Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm chung và năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng**

		Hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp	Năng lực tổng quát	Kỹ năng điều dưỡng cơ bản	Kỹ năng điều dưỡng nâng cao	Năng lực thực tập lâm sàng chung
Giới tính	Nam	U= 473,5	U = 267	U= 334,5	U = 352	U = 309,5
	Nữ	p= 0,084	p = 0,002	p = 0,006	p= 0,009	p = 0,004
Năm đào tạo	Năm 3	U = 2363	U = 2194,5	U = 2359	U= 2437	U = 2227
	Năm 4	p = 0,001	p = 0,000	p = 0,001	p = 0,002	p = 0,000
Học lực		$\chi^2= 15,402$	$\chi^2= 20,354$	$\chi^2= 17,791$	$\chi^2= 16,216$	$\chi^2= 20,480$
	Khá	p = 0,000	p = 0,000	p = 0,000	p = 0,000	p = 0,000
	Giỏi					
	Xuất sắc					

		Hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp	Năng lực tổng quát	Kỹ năng điều dưỡng cơ bản	Kỹ năng điều dưỡng nâng cao	Năng lực thực tập lâm sàng chung
Ban cán sự lớp	Có	U= 2162	U= 2185	U = 2066	U = 2199,5	U = 2143
	Không	p= 0,402	p = 0,459	p= 0,222	p = 0,485	p = 0,367
Mức độ tham gia các hoạt động ngoại khóa	Không tham gia	$\chi^2= 2,348$ p = 0,309	$\chi^2= 4,175$ p= 0,124	$\chi^2= 4,870$ p = 0,088	$\chi^2= 9,893$ p= 0,007	$\chi^2= 6,470$ p= 0,039
	Ít tham gia					
	Thường xuyên tham gia					
Thời gian đi làm thêm	Không	U = 3372,000	U= 3475,500	U =	U = 3231,500	U =
	Có	p = 0,731	p= 0,994	3233,500 p =0,426	p =0,420	3299,500 p =0,568
Thời gian ngủ/ngày	Mean (SD)	r=0 ,052 p= 0,501	r=0,020 p= 0,800	r=0,006 p= 0,942	r=0,049 p= 0,527	r=0,047 p= 0,546
Hút thuốc lá	Có	U = 59,500	U =24,500	U =9,000	U =61,000	U =11,000
	Không	p = 0,023	p =0,007	p =0,004	p =0,022	p =0,005
Uống bia rượu	Có	U = 1581,5	U =1462,000	U =1576,500	U =1577,000	U =1534,500
	Không	p= 0,240	p=0,091	p=0,229	p=0,227	p=0,171

Nhận xét: Qua bảng trên cho thấy giới tính, năm đào tạo, học lực, và hút thuốc lá là các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng ở các các mục Năng lực tổng quát, năng lực Kỹ năng điều dưỡng cơ bản, Kỹ năng điều dưỡng nâng cao, Năng lực thực tập lâm sàng chung ($p < 0,05$).

Năm đào tạo, học lực, và hút thuốc lá là các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng ở mức Hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp ($p < 0,05$).

Bàn luận

Năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Nghiên cứu được tiến hành trên 168 sinh viên điều dưỡng cho thấy năng lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên điều dưỡng ở mức $3,64 \pm 0,46/5$. Kết quả này cao hơn nghiên cứu trong nước của Trần Thị Hằng và cộng sự là điểm trung bình năng lực $3,47 \pm 0,34/5$. Sự khác biệt này có thể là do chúng tôi sử dụng bộ câu hỏi đánh giá khác nhau. (Tran Thi Hang et al., 2022) Khi so sánh năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của Bander Albagawi và cộng sự thực hiện ở Ethiopia, kết quả của chúng tôi cao hơn ($3,50 \pm 1,252$ điểm). (Albagawi et al., 2019) Mặc dù được đánh giá cùng bộ câu hỏi nhưng nghiên cứu ở 2 quốc gia khác nhau, có nhiều điều không tương đồng giữa đối tượng nghiên cứu, chương trình đào tạo, đặc điểm thực tập lâm sàng... thì kết quả có sự chênh lệch là điều dễ hiểu.

Trong phân thống kê năng lực thực tập của sinh viên điều dưỡng, kết quả của chúng tôi cho thấy điểm cao nhất thuộc về năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản với $3,82 \pm 0,5$, tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bander Albagawi và cộng sự cũng cho thấy năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản là cao nhất (Albagawi et al., 2019) và thấp nhất ở năng lực kỹ năng điều dưỡng nâng cao với điểm trung bình là $3,25 \pm 0,46$. Điều này được giải thích là các thủ thuật điều dưỡng cơ bản luôn dễ hơn các thủ thuật điều dưỡng nâng cao. Trong quá trình thực tập việc sinh viên được thực tập các thủ thuật điều dưỡng cơ bản cũng xuất hiện với tần suất nhiều lần hơn. Do đó mức độ thành thạo về nhóm kỹ năng này của sinh viên điều dưỡng cũng cao hơn. Bên cạnh đó, năng lực hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp gồm tuân thủ các phòng ngừa về an toàn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu thương tích cho bản thân, cho người bệnh, tuân thủ quy định về trang phục, đạo đức hành nghề hay giao tiếp chuẩn xác với người bệnh có điểm trung bình $3,78 \pm 0,53/5$. Vấn đề tương tự cũng được Nguyễn Thị Ngọc Hân và cộng sự chỉ ra trong một nghiên cứu về năng lực thực tập trên sinh viên điều dưỡng, cụ thể điểm trung bình ở tiêu chí “đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, cá nhân, gia đình và cộng đồng” là $1,3 \pm 0,5/2$. (Hân et al., 2023) Hay ở nghiên cứu của Hà Thị Liên và cộng sự chỉ ra 62% sinh viên điều dưỡng có hành vi đạt trong hoạt động thực tập lâm sàng (Liên et al., 2023)... Điều này cho thấy sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 trong nghiên cứu của chúng tôi có hành vi khá chuẩn mực khi thực hành chăm sóc người bệnh. Việc có hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp trong quá trình thực tập lâm sàng là thiết yếu và luôn được chú trọng. Ở Trường Đại học Đông Á, nó được đưa vào như là một phần để đánh giá điểm kết thúc học phần thực tập lâm sàng.

Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm chung và năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Bảng 3 cho kết quả về mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm chung và năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.

Giới tính có mối liên quan tới năng lực thực tập lâm sàng chung, năng lực thực tập lâm sàng ở các hạng mục năng lực tổng quát, năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản và cả nâng cao ($p < 0,05$). Nhưng giới tính lại không có mối liên quan với hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp trong nghiên cứu của chúng tôi ($p > 0,05$). Đối với ngành điều dưỡng, đa phần người học là nữ (nghiên cứu của chúng tôi 94,5% là nữ) để phù hợp với sự khéo léo, tỉ mỉ của nghề.

Năm đào tạo liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng chung, năng lực thực tập lâm sàng ở các hạng mục năng lực tổng quát, năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản và kỹ năng điều dưỡng nâng cao của sinh viên điều dưỡng, hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp ($p < 0,05$). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Hân, Trần Thị Hằng hay Bonsa Amsalu chỉ ra năm đào tạo có mối liên quan với năng lực lâm sàng của sinh viên (Hân et al., 2023; Amsalu et al., 2020). Năm đào tạo sẽ liên quan tới thời lượng sinh viên tham gia thực tập lâm sàng, nghiên cứu của Trần Thị Hằng đã thống kê tổng thời gian thực tập lâm sàng của sinh viên năm 4 (50 tuần) cao hơn 2 lần so với sinh viên năm 3 (24 tuần); số khoa phòng ở lâm sàng mà sinh viên năm 4 đi thực tập cũng nhiều hơn so với sinh viên năm 3 ở tại thời điểm nghiên cứu (Hằng et al., 2022). Điều này cũng dễ hiểu khi năng lực thực tập chăm sóc của sinh viên năm 4 luôn cao hơn sinh viên năm 3 ở tất cả các mục được đề cập trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Hân (Hân, et al., 2023). Việc đi thực tập với thời gian lâu hơn giúp sinh viên có nhiều cơ hội hơn để thực tập các kỹ năng cần thiết. Do đó năm đào tạo có mối liên quan với năng lực thực tập lâm sàng.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tương tự với năm đào tạo, học lực có mối liên quan tới tất cả các năng lực thực tập lâm sàng ($p < 0,05$). Điều này được giải thích rằng học lực là khái niệm để mô tả mức độ thành thạo và hiệu quả của một người trong việc học tập. Tuy nhiên nó lại trái ngược với nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Hân và nghiên cứu của Trần Thị Hằng, học lực không có mối liên quan với năng lực thực tập ($p > 0,05$) (Hân et al., 2023; Hằng et al., 2022). Lý do để giải thích cho sự trái ngược này có thể là do có những hạn chế nhất định khi mà đối tượng nghiên cứu tự đánh giá mức độ năng lực của mình.

Mức độ tham gia các hoạt động ngoại khóa có mối liên quan với năng lực *Kỹ năng điều dưỡng nâng cao, Năng lực thực tập lâm sàng chung* ($p < 0,05$) nhưng lại chưa tìm thấy mối liên quan ở những phần năng lực còn lại. Hay việc hút thuốc lá có mối quan hệ với các mục của năng lực thực tập lâm sàng, trong khi uống rượu bia thì lại không có mối liên quan. Chúng tôi gợi ý, cần có thêm những nghiên cứu về vấn đề này để có sự so sánh, giải thích rõ ràng hơn.

Kết luận

Qua nghiên cứu 168 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 ở Trường Đại học Đông Á, chúng tôi có một số kết luận như sau:

- Năng lực thực tập lâm sàng chung của sinh viên điều dưỡng là $3,64 \pm 0,46$. Trong đó, điểm cao nhất thuộc về năng lực kỹ năng điều dưỡng cơ bản với $3,82 \pm 0,5$ và thấp nhất ở năng lực kỹ năng điều dưỡng nâng cao $3,25 \pm 0,46$.

- Giới tính, năm đào tạo, học lực, và hút thuốc lá là các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng ở các các mục: *Năng lực tổng quát, năng lực Kỹ năng điều dưỡng cơ bản, Kỹ năng điều dưỡng nâng cao, Năng lực thực tập lâm sàng* ($p < 0,05$).

- Năm đào tạo, học lực, và hút thuốc lá là các yếu tố liên quan đến năng lực thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng ở mục *Hành vi điều dưỡng chuyên nghiệp* ($p < 0,05$).

Tài liệu tham khảo

- Albagawi, B., Hassona, F., Alotaibi, J., Albougami, A., Amer, M., Alsharari, A., Assiri, Z., & Al-ramadhan, S. (2019). "Self-efficacy and clinical competence of fourth-year nursing students: A self-reported study". *International Journal of Advanced and Applied Sciences*, 6. <https://doi.org/10.21833/ijaas.2019.08.009>
- Amsalu, B., Fekadu, T., Mengesha, A., & Bayana, E. (2020). "Clinical Practice Competence of Mettu University Nursing Students: A Cross-Sectional Study". *Advances in Medical Education and Practice*, 11, 791-798. <https://doi.org/10.2147/AMEP.S267398>
- Bộ Y tế, (2022, December 28). *Quyết định 3474/QĐ-BYT 2022 Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam*. Thư viện pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyết-dinh-3474-QĐ-BYT-2022-Chuan-nang-luc-co-ban-cua-Cu-nhan-Dieu-duong-Viet-Nam-548413.aspx>
- Bolarinwa, O. A. (2020). *Sample Size Estimation for Health and Social Science Researchers: The Principles and Considerations for Different Study Designs*.
- Bonett, D., & Wright, T. (2014). "Cronbach's alpha reliability: Interval estimation, hypothesis testing, and sample size planning". *Journal of Organizational Behavior*, 36. <https://doi.org/10.1002/job.1960>
- Hân, Dung N. T., Trang D. T. T., Trúc N. T. T., Diến L. T., & Thông N. T. (2023). 23. "Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan". *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 168(7), Article 7. <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v168i7.1728>
- Hân, N. T. N., Ngô Thị, D., Duong Thị Thùy, T., & Nguyễn Thị Thanh, T. (2023). "Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan". <https://tapchinguycuyhoc.vn/index.php/tcncyh/article/view/1728/1202>

- Liên 2021, Bùi T. C., Nguyễn T. T., Nguyễn T. H. T., & Lưu T. L. (2023). "Nghiên cứu thái độ, hành vi trong hoạt động thực tập lâm sàng tại Bệnh viện của sinh viên năm 3, năm 4 Trường Đại học Phenikaa năm 2021 và một số yếu tố liên quan". *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 6(04), Article 04. <https://doi.org/10.54436/jns.2023.04.637>
- Liou, S.-R., & Cheng, C. (2013). "Developing and validating the Clinical Competence Questionnaire: A self-assessment instrument for upcoming baccalaureate nursing graduates". *Journal of Nursing Education and Practice*, 4. <https://doi.org/10.5430/jnep.v4n2p56>
- Terefe, T. F., Geletie, H. A., GebreEyesus, F. A., Tarekegn, T. T., Amlak, B. T., Kindie, K., Geleta, O. T., Mewahegn, A. A., Temere, B. C., Mengist, S. T., Beshir, M. T., Wondie, A., & Mengist, B. (2023). "Clinical competency and associated factors among undergraduate nursing students studying in universities of Southern regional state of Ethiopia, 2021". *Heliyon*, 9(8), e18677. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e18677>
- Tran Thị Hang, Ton Nu Minh Duc, Nguyen Thi Anh Phuong, & Tran Thi N. (2022). "Exploring clinical competency of nursing students and related factors". *Journal of Medicine and Pharmacy*, 22-29. <https://doi.org/10.34071/jmp.2022.6.3>
- Tsang, S., Royse, C. F., & Terkawi, A. S. (2017). "Guidelines for developing, translating, and validating a questionnaire in perioperative and pain medicine". *Saudi Journal of Anaesthesia*, 11(Suppl 1), S80-S89. https://doi.org/10.4103/sja.SJA_203_17
- WHO 2022. (2022). *Nursing and Midwifery*. <https://www.who.int/health-topics/nursing>